NAM A BANK

HẠN MỨC GIAO DỊCH SẢN PHẨM THẺ NAM A BANK

Đơn vị tính: VND

(Hiệu lực từ 05/01/2026)

A. HẠN MỨC GIAO DỊCH SẢN PHẨM THẺ

I. Thẻ nội địa Napas

Stt	Loại giao dịch	Thẻ ghi nợ Napas	Thẻ trả trước định danh Napas	Thẻ tín dụng Napas - Cash Card	Thẻ tín dụng Napas - Happy Card không TSBĐ	Thẻ tín dụng Napas - Happy Card Gold/Platinum (có TSBĐ)
1	**Tổng hạn mức giao dịch tối đa trong 1 tháng**	Không giới hạn	100 triệu	100 triệu	Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)	Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)
-	**Hạn mức giao dịch rút tiền mặt tối đa trong 1 tháng**	Không giới hạn	100 triệu	100 triệu (*)	100 triệu (*)	100 triệu (*)
2	**Tổng hạn mức giao dịch tối đa trong 1 ngày**	Không giới hạn	100 triệu	100 triệu	Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)	Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)
2.1	**Hạn mức giao dịch E-commerce thanh toán tối đa trong 1 ngày**	200 triệu	100 triệu	Không áp dụng	100 triệu	100 triệu
2.2	**Hạn mức giao dịch rút tiền mặt tối đa trong 1 ngày**	200 triệu	100 triệu	100 triệu (*)	100 triệu (*)	100 triệu (*)

Stt	Loại giao dịch	Thẻ ghi nợ Napas	Thẻ trả trước định danh Napas	Thẻ tín dụng Napas - Cash Card	Thẻ tín dụng Napas - Happy Card không TSBĐ	Thẻ tín dụng Napas - Happy Card Gold/Platinum (có TSBĐ)
a	Hạn mức giao dịch rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại Chi nhánh, Phòng giao dịch của Nam A Bank tối đa trong 1 ngày	100 triệu	100 triệu	100 triệu (*)	100 triệu (*)	100 triệu (*)
b	Hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài tối đa trong 1 ngày	30 triệu	30 triệu	30 triệu	30 triệu	30 triệu
2.3	**Hạn mức giao dịch chuyển khoản tối đa trong 1 ngày**	100 triệu	100 triệu	Không áp dụng		
3	**Hạn mức giao dịch tối đa 1 lần**					
a	Hạn mức rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động của Nam A Bank tối đa 1 lần	5 triệu	5 triệu	5 triệu	5 triệu	5 triệu
b	Hạn mức rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động khác Nam A Bank tối đa 1 lần	5 triệu VND và theo quy định của Ngân hàng chủ quản máy giao dịch tự động	5 triệu VND và theo quy định của Ngân hàng chủ quản máy giao dịch tự động	5 triệu VND và theo quy định của Ngân hàng chủ quản máy giao dịch tự động	5 triệu VND và theo quy định của Ngân hàng chủ quản máy giao dịch tự động	5 triệu VND và theo quy định của Ngân hàng chủ quản máy giao dịch tự động
c	Hạn mức rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại Chi nhánh, Phòng giao dịch của Nam A Bank tối đa 1 lần	50 triệu	50 triệu	50 triệu	50 triệu	50 triệu
4	**Hạn mức giao dịch Dịch vụ thanh toán không tiếp xúc trên Ứng dụng di động tối đa/lần/Ngày**	100 triệu	100 triệu	Không áp dụng	100 triệu	100 triệu

II. Thẻ quốc tế Mastercard/JCB/VISA

Stt	Loại giao dịch	Thẻ ghi nợ quốc tế Mastercard	Thẻ trả trước định danh quốc tế Mastercard	Thẻ tín dụng Mastercard/JCB Standard/Gold	Thẻ tín dụng Mastercard/JCB Platinum/Happy Golf/Happy Lady/VISA Platinum	Thẻ tín dụng Happy Digital	Thẻ tín dụng Mastercard Corporate
1	**Tổng hạn mức giao dịch tối đa trong 1 tháng**	Không giới hạn	100 triệu	Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)			
-	**Hạn mức giao dịch rút tiền mặt tối đa trong 1 tháng**	Không giới hạn	100 triệu	100 triệu **(*)**	100 triệu **(*)**	Không áp dụng	100 triệu **(*)**
2	**Tổng hạn mức giao dịch tối đa trong 1 ngày**	Không giới hạn	100 triệu	Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)			
2.1	**Hạn mức giao dịch thanh toán tối đa trong 1 ngày**	500 triệu	100 triệu	Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)			
a	Hạn mức giao dịch E-commerce có 3D-Secure/J-Secure tối đa 1 ngày	200 triệu	100 triệu	Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)			
b	Hạn mức giao dịch E-commerce không có 3D-Secure/J-Secure tối đa 1 ngày	50 triệu (**)	50 triệu (**)	30 triệu (**)	50 triệu (**)	30 triệu (**)	30 triệu (**)
c	Hạn mức giao dịch trên kênh Ngân hàng số tối đa 1 ngày	Không áp dụng	Không áp dụng	30 triệu	100 triệu	100 triệu	100 triệu
2.2	**Hạn mức giao dịch rút tiền mặt tối đa trong 1 ngày**	200 triệu	100 triệu	100 triệu (*)	100 triệu (*)	Không áp dụng	100 triệu (*)
a	Hạn mức rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại Chi nhánh, Phòng giao dịch của Nam A Bank tối đa trong 1 ngày	100 triệu	100 triệu	100 triệu (*)	100 triệu (*)	Không áp dụng	100 triệu (*)
b	Hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài tối đa trong 1 ngày	30 triệu	30 triệu	30 triệu	30 triệu	Không áp dụng	30 triệu

Stt	Loại giao dịch	Thẻ ghi nợ quốc tế Mastercard	Thẻ trả trước định danh quốc tế Mastercard	Thẻ tín dụng Mastercard/JCB Standard/Gold	Thẻ tín dụng Mastercard/JCB Platinum/Happy Golf/Happy Lady/VISA Platinum	Thẻ tín dụng Happy Digital	Thẻ tín dụng Mastercard Corporate
2.3	**Hạn mức giao dịch chuyển khoản tối đa trong 1 ngày**	100 triệu	100 triệu	Không áp dụng			
3	**Hạn mức giao dịch tối đa 1 lần**						
a	Hạn mức rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động của Nam A Bank tối đa 1 lần	5 triệu	5 triệu	5 triệu	5 triệu	Không áp dụng	5 triệu
b	Hạn mức rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động khác Nam A Bank tối đa 1 lần	5 triệu và theo quy định của Ngân hàng chủ quản ATM	5 triệu và theo quy định của Ngân hàng chủ quản ATM	5 triệu và theo quy định của Ngân hàng chủ quản ATM	5 triệu và theo quy định của Ngân hàng chủ quản ATM	Không áp dụng	5 triệu và theo quy định của Ngân hàng chủ quản ATM
c	Hạn mức rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại Chi nhánh, Phòng giao dịch của Nam A Bank tối đa 1 lần	50 triệu	50 triệu	50 triệu	50 triệu	Không áp dụng	50 riệu

B. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, TỪ VIẾT TẮT VÀ QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHUNG

1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, TỪ VIẾT TẮT, GHI CHÚ:

STT	Từ ngữ		Diễn giải
1	Dịch vụ thanh lý không tiếp xúc trên Ứng dụng di động (Tap to Pay)	:	Là giải pháp cho phép Chủ thẻ Nam A Bank sử dụng Ứng dụng Ngân hàng số của Nam A Bank hoặc Ứng dụng di động của các Công ty công nghệ (Apple Pay, Samsung Pay, Google Pay...) thay thế cho thẻ vật lý để thanh toán tại các Đơn vị chấp nhận thanh toán có áp dụng công nghệ NFC thông qua việc số hóa thẻ lên Ứng dụng di động.

STT	Từ ngữ		Diễn giải
2	Dịch vụ VIP	:	Là dịch vụ Nam A Bank cung cấp cho Chủ thẻ để thực hiện giao dịch bằng thẻ trên số tiền còn lại của Thẻ và không giới hạn hạn mức giao dịch, ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt.
3	(*)	:	Tổng hạn mức rút tiền mặt đối với Chủ thẻ tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 triệu.
4	(**)	:	Trong trường hợp thẻ có đăng ký dịch vụ VIP: - Đối với thẻ ghi nợ quốc tế: không giới hạn. - Đối với thẻ trả trước định danh quốc tế: 100 triệu đồng. - Đối với thẻ tín dụng quốc tế: Bằng tổng hạn mức tín dụng được cấp và số tiền nộp thêm (nếu có)

2. QUY ĐỊNH GIAO DỊCH CHUNG:

STT	Quy Định
1	Đối với hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài, một thẻ được rút số ngoại tệ tiền mặt tối đa tương đương 30 triệu đồng trong một ngày.
2	Đối với thẻ tín dụng, tổng hạn mức rút tiền mặt đối với Chủ thẻ tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 triệu đồng trong 01 tháng.
3	Đối với Thẻ trả trước định danh (Bao gồm: Thẻ trả trước định danh Napas và thẻ trả trước định danh quốc tế Mastercard) Hạn mức số dư/Hạn mức nạp thêm tiền vào thẻ không giới hạn số tiền nộp.